

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC MÊ
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/HS-ST
Ngày 14- 6-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC MÊ, TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thuận.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông : Nguyễn Ngọc Liên.
Ông: Hà Mạnh Nô.

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Xuân Đạt - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện B Mê, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang: Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 14/6/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 14/2022/TLST-HS ngày 16/5/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2022/QĐXXST-HS ngày 31/5/2022 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo: Mã Văn B; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 14 tháng 3 năm 1999 tại: Huyện B, tỉnh Hà Giang.

Nơi cư trú: Thôn K, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; con ông: Mã Văn B; sinh năm 1970 (đã chết); con bà: Nguyễn Thị T sinh năm 1982; Anh, chị, em ruột: Có 03 anh em, bị can là con thứ nhất trong gia đình; Vợ, con: Không; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ 9 ngày từ ngày 10/3/2022 đến ngày 19/3/2022. Từ ngày 19/3/2022 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, đến ngày 17/5/2022 bị cơ quan điều tra công an thành phố Hà Giang bắt tạm giam để điều tra về hành vi trộm cắp tài sản. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an Thành Phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang. (Có mặt)

2. Bị cáo: Hoàng Đức S; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 12 tháng 5 năm 1998 tại: Huyện B, tỉnh Hà Giang.

Nơi cư trú: Thôn N, xã M, huyện B, tỉnh Hà Giang. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông: Hoàng Văn L và Con bà: Nông Thị H; anh, chị, em ruột: Có 3 chị em, bị can là con thứ 3 trong gia đình; Vợ: Đặng Thị Đ; sinh năm 2001; có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2019, con nhỏ nhất sinh năm 2021. Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Năm 2013 bị đưa vào trường giáo dưỡng theo Quyết

định số 2335 ngày 27/8/2013; Ngày 12/4/2017, bị tòa án nhân dân thành phố Hà Giang xử phạt 20 tháng tù về tội trộm cắp tài sản (bị coi là không có án tích theo điểm b khoản 1 Điều 107 BLHS).

Bị cáo bị tạm giữ 9 ngày từ ngày 10/3/ 2022 đến ngày 19/3/2022. Từ ngày 19/3/2022 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, ngày 17/5/2022 bị Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Hà Giang bắt tạm giam để điều tra về hành vi trộm cắp tài sản. Hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang. *(Có mặt)*

- *Bị hại:* Ông Hạng Chúng D; sinh năm 1973; Trú tại: Thôn Kẹp B, xã M, huyện B, tỉnh Hà Giang. Nghề nghiệp: Trồng trọt *(Có mặt)*.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Hoàng Thị M; Sinh năm 1967; Trú tại : Thôn K, xã M, huyện B, tỉnh Hà Giang. Nghề nghiệp: Trồng trọt *(Vắng mặt không lý do)*

Anh: Mã Văn N; Sinh năm 2021 Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trú tại : Thôn K, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang. *(Vắng mặt không lý do)*

- Người làm chứng:

Chị Sùng Thị G; Sinh năm 2003 *(Có mặt)*

Chị Hạng Thị X; Sinh năm 2007 *(Có mặt)*

Người đại diện theo pháp luật cho chị Hạng Thị X bà Thào Thị C; Sinh năm 1977 *(Có mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 13/02/2022, Mã Văn B điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONDA Dream, không có biển kiểm soát (do B mượn của Mã Văn N trú tại Thôn K, xã T, huyện B) từ nhà ra chợ trung tâm xã M, huyện B chơi thì gặp Hoàng Đức S. S rủ B đi xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang chơi thì B đồng ý. Hai người đi bằng xe máy của B đến thôn Kẹp B, xã M, huyện B thì dừng xe vào quán bán hàng tạp hóa ven đường của ông Hạng Chúng D để mua xăng và nghỉ uống nước, có chị Sùng Thị G bán hàng cho S và B. Sau đó chị G có việc nên gọi Hạng Thị X đến trông quán . S bảo Xúa úp cho S bát mì tôm, do quán không có bát nên X lên nhà để lấy bát. Do trước đó B và S đã nhìn thấy chị G lấy tiền trong 01 túi xách màu xám treo trên tường quán để bù tiền cho khách nên khi trong quán không còn người trông coi đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. B nói với S “*Mày ra ngoài xe, tao lấy cái túi tiền này rồi đi ra luôn*” S đồng ý đi ra vị trí để xe máy chờ. B lấy chiếc túi xách treo trên tường rồi lên xe máy do S điều khiển về hướng về trung tâm xã M, huyện B, tỉnh Hà Giang. Khi đi đến địa phận thôn K, xã M, huyện B thì rẽ vào đường đất khoảng 700 m thì dừng lại, B và S kiểm tra chiếc túi thì phát hiện bên trong có 2.800.000đ tiền Việt Nam và 11 thẻ điện thoại Vinaphone tổng giá trị theo mệnh giá trên thẻ là 210.000đ. B và S chia nhau mỗi người được 1.400.000đ tiền mặt, còn thẻ điện thoại thì S được 05 thẻ

loại 20.000 đ; 01 thẻ loại 10.000đ; B được 05 thẻ loại 20.000 đ. B và S bán lại số thẻ này cho bà Hoàng Thị M, trú tại thôn K, xã M, huyện B lấy mỗi người 80.000đ. Số tiền trộm cắp được các bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi phát hiện mất tài sản tự đi tìm không thấy, ngày 25/02/2022, ông Hạng Chúng D đã đến Công an xã M, huyện B trình báo. Đến ngày 01/3/2022 Công an xã M chuyển toàn bộ hồ sơ, tài liệu đến Công an huyện B để giải quyết theo thẩm quyền. Ngày 10/3/2022 Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã ra Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Mã Văn B, Hoàng Đức S.

Tại biên bản xác định hiện trường ngày 11/03/2022, Mã Văn B, Hoàng Đức S và các người làm chứng Sùng Thị G, Hạng Thị X đã chỉ dẫn các vị trí phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai có trong hồ sơ vụ án.

Tại cơ quan điều tra bị hại ông Hạng Chúng D khai số tiền và thẻ điện thoại bị mất trong chiếc túi xách là hơn 6.000.000 đ, cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất giữa bị hại với các bị cáo, kết quả không đủ căn cứ xác định số tiền và thẻ bị trộm cắp như ông D đã khai.

Ngày 19/3/2022 Cơ quan CSĐT Công an huyện B ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can, Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Mã Văn B, Hoàng Đức S về tội “ Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tang vật thu giữ: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA Dream màu nâu, không có biển kiểm soát, xe cũ đã qua sử dụng; 01 túi da màu xám có dây đeo, cũ đã qua sử dụng.

Quá trình điều tra xác định chiếc xe máy là tài sản của anh Mã Văn N. Anh N không biết việc bị cáo B mượn xe sử dụng chiếc xe máy trên vào việc phạm tội do đó đã trả lại chiếc xe máy trên cho chủ sở hữu; Đối với 01 chiếc túi da màu xám xét thấy không cần tiếp tục tạm giữ đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp ông Hạng Chúng D theo Quyết định xử lý vật chứng số 04 ngày 25/4/2022 của Cơ quan CSĐT Công an huyện B Mê.

Về trách nhiệm dân sự tại phiên tòa: Bị hại ông Hạng Chúng D yêu cầu các bị cáo bồi thường cho ông số tiền là 5.000.000đ. Các bị cáo nhất trí bồi thường như ông D yêu cầu nhưng chưa có tiền bồi thường ngay.

Tại phiên tòa các bị cáo Mã Văn B, Hoàng Đức S đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với kết quả xác định hiện trường, vật chứng của vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 15/CT-VKS-BM ngày 16/5/2022 của VKSND huyện Bắc Mê truy tố các bị cáo Mã Văn B; Hoàng Đức S về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật như nội dung cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Mã Văn B; Hoàng Đức S phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38, Điều 50; Điều 58, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt Mã Văn B từ 9 tháng tù đến 12 tháng tù thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại thụ hình, (được khấu trừ 9 ngày tạm giữ).

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38, Điều 50; Điều 58, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt Hoàng Đức S từ 12 tháng đến 14 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại thụ hình, (được khấu trừ 9 ngày tạm giữ).

- Về hình phạt bổ sung: Không.

Do bị cáo đang bị áp dụng biện pháp tạm giam theo lệnh bắt bị can để tạm giam của Cơ quan CSĐT Công an thành phố Hà Giang do đó Tòa án nhân dân huyện Bắc Mê không cần thiết ra quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn để đảm bảo thi hành án đối với các bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 BLHS, Điều 584, 585, 586, 587, 589 BLDS: Buộc các bị cáo liên đới bồi thường cho ông Hạng Chúng D số tiền là 5.000.000đ. Trong đó Mã Văn B 2.500.000đ; Hoàng Đức S 2.500.000đ.

- Về vật chứng: Không.

- Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo được miễn nộp toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Bị cáo Mã Văn B; Hoàng Đức S, bị hại Hạng Chúng D nhất trí với toàn bộ quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát đề nghị, không có tranh luận đối đáp.

Các bị cáo thực hiện quyền nói lời sau cùng và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi tố tụng và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ định tội, định khung hình phạt: Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và lời khai của bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phù hợp với kết quả xác định hiện trường, vật chứng của vụ án cùng các tài

liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Chiều ngày 13/02/2022 tại thôn Kẹp B, xã M, huyện B, tỉnh Hà Giang, Mã Văn B và Hoàng Đức S đã lợi dụng sơ hở trong quản lý tài sản của gia đình ông Hạng Chúng D để cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trị giá 3.010.000đ (*Ba triệu không trăm mười nghìn đồng*) Trong đó: 2.800.000 đ tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam và 11 thẻ nạp tiền điện thoại trị giá 210.000 đ. Như vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Mê truy tố các bị cáo về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra: Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp.

[4] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cân nhắc, xem xét nhân thân các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự trong vụ án không có; về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Mã Văn B có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo B là người khởi sự và là người trực tiếp thực hiện việc trộm cắp tài sản.

Đối với bị cáo S với vai trò đồng phạm tuy nhiên bị cáo có nhân thân xấu trước khi phạm tội, bị cáo đã bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang xử phạt 20 tháng tù về tội trộm cắp tài sản tại bản án 07/2017/HSST ngày 12/4/2017 xác định bị cáo S khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi, do đó căn cứ điểm b khoản 1 Điều 107 BLHS, bị cáo được coi là không có án tích, không được tính là tái phạm trong lần phạm tội này, nhưng không được áp dụng tình tiết phạm tội lần đầu trong trường hợp ít nghiêm trọng như đối với bị cáo B. Mặc dù bị cáo B có vai trò cao hơn so với bị cáo S, tuy nhiên các bị cáo chỉ là đồng phạm giản đơn, đều là người thực hành, ngoài ra bị cáo B có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhân thân tốt vì vậy khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo, cần xem xét toàn diện quy định tại Điều 50, Điều 58 BLHS.

Ngoài ra, trước khi bị bắt, khởi tố vụ án này (trộm cắp ngày 13/02/2022, bắt tạm giữ ngày 10/3/2022 các bị cáo còn cùng nhau thực hiện hành vi hành vi trộm cắp tài sản ngày 02/3/2022 tại địa bàn thành phố Hà Giang, đã bị khởi tố bị can, bắt tạm giam để điều tra ngày 17/5/2022 cho thấy các bị cáo là người không có khả năng tự cải tạo, nếu để các bị cáo chấp hành án tại địa phương sẽ dễ tiếp tục phạm tội, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, an toàn xã hội tại địa phương, do đó cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới đảm bảo giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

Thời hạn thi hành hình phạt tù của các bị cáo được tính từ ngày bản án có hiệu lực và các bị cáo đi chấp hành án được khấu trừ thời hạn tạm giữ 9 ngày

từ ngày 10/3/2022 đến ngày 19/3/2022. Hội đồng xét xử xét thấy lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo đã hết, các bị cáo hiện đang bị tạm giam theo lệnh tạm giam của cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Hà Giang, để điều tra về hành vi phạm tội ở vụ án khác nên Hội đồng xét xử không áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo thu nhập không ổn định, không có khả năng thi hành nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Từ những căn cứ nêu trên, xét thấy, mức án đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử phạt các bị cáo về hình phạt, miễn hình phạt bổ sung phạt tiền, biện pháp tư pháp, trách nhiệm dân sự và án phí đối với các bị cáo là có căn cứ chấp nhận.

[8] Trong vụ án này còn có một số hành vi, đối tượng liên quan khác sau: Đối với Hoàng Thị M là người mua lại số thẻ điện thoại Vinaphone của bị cáo B và S bà M đã bán cho người khác sử dụng hết, quá trình mua bán ngay tình, bà M không biết đó là tài sản do các bị cáo phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý; Đối với Mã Văn N là người cho bị cáo B mượn xe máy không có biển kiểm soát, đăng ký, tuy nhiên qua xác minh xe máy được anh N mua lại của cửa hàng xe máy cũ tại thành phố Hà Giang có nguồn gốc là xe của anh Nguyễn Tiến H trú tại xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang bán lại khi không có nhu cầu sử dụng, việc mua bán là thực tế, khi cho B mượn anh N không biết việc B dùng chiếc xe máy của mình vào việc phạm tội do đó không đủ cơ sở để xử lý.

[9] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra cơ quan điều tra đã thu giữ tài sản, xác định chủ sở hữu hợp pháp và ra Quyết định xử lý vật chứng là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Trách nhiệm dân sự: Bị hại yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 5.000.000 đ các bị cáo nhất trí bồi thường số tiền 5.000.000đ, nhưng hiện tại không có tiền để bồi thường. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc các bị cáo liên đới bồi thường số tiền 5.000.000đ cho bị hại D. Trong đó: Bị cáo B số tiền 2.500.000đ, Bị cáo S 2.500.000đ.

[11] Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Mã Văn B, Hoàng Đức S.

[12] Quyền kháng cáo: các bị cáo; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: các bị cáo Mã Văn B; Hoàng Đức S phạm tội Trộm cắp tài sản.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 38 Điều 58, Điều 50; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Mã Văn B 11(*Mười một*) tháng tù thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại thụ hình, được khấu trừ thời hạn tạm giữ 9 ngày từ ngày 10/3/2022 đến ngày 19/3/2022.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 38, Điều 58, Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Hoàng Đức S 12 (*Mười hai*) tháng tù thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại thụ hình, được khấu trừ thời hạn tạm giữ 9 ngày từ ngày 10/3/2022 đến ngày 19/3/2022.

(Hiện các bị cáo đang bị tạm giam theo lệnh tạm giam của cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Hà Giang, để điều tra về hành vi phạm tội ở vụ án khác nên Hội đồng xét xử không áp dụng biện pháp ngăn chặn để đảm bảo thi hành án).

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015. Buộc bị cáo Mã Văn B; Hoàng Đức S có trách nhiệm liên đới bồi thường cho ông Hạng Chúng D Trú tại: Thôn K, xã M, huyện B, tỉnh Hà Giang số tiền là 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*).

Trong đó: Bị cáo Mã Văn B bồi thường số tiền 2.500.000đ (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*); Hoàng Đức S bồi thường số tiền 2.500.000đ. (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*)

Về lãi suất chậm thi hành án và quyền yêu cầu thi hành án: Đối với khoản tiền các bị cáo Mã Văn B; Hoàng Đức S phải trả cho anh Hạng Chúng D nêu trên, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền phải trả, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ tiền án phí

hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho các bị cáo Mã Văn B, Hoàng Đức S.

5. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Các bị cáo; bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án, hoặc nhận được niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện;
- CQTHAHS Công an huyện Bắc Mê;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Phòng PV06 CA tỉnh Hà Giang;
- Chi cục THADS huyện B Mê;
- UBND xã M;
- Nhà tạm giữ Công an thành phố Hà Giang;
- CQCSĐT Công an huyện Bắc Mê;
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ vụ án;

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hoàng Văn Thuận